

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/HC-PT

Ngày: 22 - 3 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tồn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 86/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33 /2020/HC-ST ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 840/2021/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Quang H, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 99 đường P, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1996; địa chỉ: xã K, huyện C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên lạc: Số 20 đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H2, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H3 - Phó Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố H2; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Thành N - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H2; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Quang L1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 393 đường H4, thành phố H2, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1996; địa chỉ: xã K, huyện C, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Ngô Quang H, có mặt.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 11-10-2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:*

Thửa đất số 754, tờ bản đồ số 05, diện tích 938m², loại đất thổ cư tại phường C1, thành phố H2, tỉnh Quảng Nam đã được ông Ngô N1 đăng ký sử dụng theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Nguyên thửa đất này được ông Ngô M (cha ông Ngô N1) đã xác lập chủ quyền sử dụng từ năm 1937; ngày 31/4/1937 Sở địa chính Quảng Nam thời kỳ Pháp thuộc đã cấp bản trích lục địa bộ cho ông Ngô M (cha của ông Ngô N1), gia đình ông Ngô M đã làm nhà ở liên tục cho đến sau này khi ông Ngô M chết thì ông Ngô N1 đăng ký sử dụng. Sau đó, ông Ngô Quang T1 (là con ông Ngô N1) tiếp tục sử dụng thửa đất trên. Ngày 20-04-1995 Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã H2 (nay là thành phố H2) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0261449 cho hộ ông Ngô Quang T1 đối với thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, diện tích 580m², loại đất thổ cư, địa chỉ tại phường C1, thành phố H2. Năm 2008 ông Ngô Quang T1 chết, đến năm 2016 vợ ông Ngô Quang T1 là bà Nguyễn Thị E chết. Vợ chồng ông Ngô Quang T1 bà Nguyễn Thị E có 03 người con chung gồm ông Ngô Văn Ch (hy sinh năm 1971), ông Ngô Quang H và ông Ngô Quang L1. Như vậy, những người thừa kế của ông Ngô Quang T1 gồm ông Ngô Quang H và ông Ngô Quang L1.

Ngày 31-8-2018, UBND thành phố H2 ban hành Thông báo số 855/TB-UBND với nội dung cho điều chỉnh biến động diện tích tăng theo hiện trạng sử dụng đối với thửa đất 574 thêm diện tích 210m², thành ra là 790m². Ngày 05-10-2018, UBND thành phố H2 đã chỉnh lý biến động tăng diện tích thửa đất số

574 (thành tên gọi thửa mới là 153), tờ bản đồ số 50(04), từ diện tích 580m² loại đất thổ cư thành 790m², nhưng chỉ có 200m² đất ở đô thị và 590m² loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở. Ngày 26-2-2019, ông Ngô Quang H (đại diện cho hộ gia đình ông T1) có đơn đề nghị công nhận đất ở đối với toàn bộ diện tích 790m². Ngày 30-9-2019, UBND thành phố H2 có Công văn số 3171/UBND về trả lời đơn công dân xin công nhận đất ở của ông H với kết luận: Đơn của ông Ngô Quang H không có cơ sở giải quyết.

Thửa đất hộ ông Ngô Quang T1 sử dụng được hình thành trước ngày 18-12-1980 và có giấy tờ về quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 thì toàn bộ thửa đất của ông T1 phải được công nhận là đất ở. Việc UBND thành phố H2 chỉ xác định diện tích đất ở cho hộ ông Ngô Quang T1 200m² là không phù hợp.

Ông Ngô Quang H khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0261449 cấp cho hộ ông Ngô Quang T1 về phần chỉnh lý biến động của UBND thành phố H2 từ diện tích 580m² loại đất thổ cư lên diện tích 790m² nhưng chỉ có 200m² đất ở và 590m² loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao trong cùng một thửa đất có nhà ở; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H2 công nhận toàn bộ diện tích 790m² đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ tại phường C1, thành phố H2 là đất ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút phần yêu cầu khởi kiện về Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chỉ còn khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H2 công nhận toàn bộ diện tích 790m² đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường C1, thành phố H2 là đất ở.

- Theo Văn bản số 392/UBND ngày 18-02-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H2:

Thửa đất mà ông Ngô Quang H có đơn khởi kiện được thể hiện tại hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ như sau: Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg là thửa đất 754, tờ bản đồ số 5 xã C1 (cũ) diện tích 938m², loại đất thổ cư do ông Ngô N1 (ông nội ông Ngô Quang H) kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định 64/CP là thửa 574, tờ bản đồ số 4, diện tích 580m² do ông Ngô Quang T1 (là cha của ông Ngô Quang H) kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ đo đạc mới VN 2000 là thửa 153, tờ bản đồ 50 phường C1, diện tích 1061m² gồm 200m² đất ở đô thị và 861m² đất trồng cây lâu năm, ghi tên người quản lý sử dụng là Ngô Quang T1. UBND thị xã H2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0261449 ngày 20-4-1995 cho hộ ông Ngô Quang T1 tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 4, diện tích 580m², loại đất thổ cư.

Trên cơ sở xác định phần diện tích tăng thêm 210m² tại thửa đất 574 là do sai

số trong quá trình đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số E 0261449 ngày 20-4-1995, UBND thành phố H2 đã thống nhất điều chỉnh biến động diện tích tăng theo hiện trạng sử dụng là từ 580 m² đất thổ cư, thành diện tích 790m², gồm 200m² đất ở đô thị và 590m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở là đảm bảo quy định.

Về nội dung công nhận toàn bộ diện tích 790m² đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ tại phường C1, thành phố H2 loại đất ở là không có cơ sở xem xét, vì: Hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg tại thành phố H2 chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không phải là các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 để được xem xét diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn ao theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013.

[2] Tại Bản án sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 09-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 116, khoản 5 Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang H về yêu cầu Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0261449 cấp cho hộ ông Ngô Quang T1 về nội dung chỉnh lý biến động của UBND thành phố H2 tăng diện tích thửa đất số 153 (574), tờ bản đồ số 50 (04), từ diện tích 580m² loại đất thổ cư thành 790m².

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang H về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H2 công nhận toàn bộ diện tích đất 790m² tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường C1, thành phố H2 là đất ở.

[3] Kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 15-9-2020, Ông Ngô Quang H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐ-VKS-HC ngày 25-9-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã đề nghị sửa Bản án sơ thẩm 33/2020/HC-ST ngày 09-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang H, buộc UBND thành phố H2 thực hiện việc công nhận toàn bộ diện tích đất 790m² đất tại thửa 574 tờ bản đồ số 04, địa chỉ phường C1, thành phố H2 là đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị giải quyết buộc UBND thành phố H2 công nhận 790m² đất tại thửa 574 là đất ở.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và kháng nghị. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, chấp nhận khởi kiện của ông Ngô Quang H về yêu cầu buộc UBND thành phố H2 công nhận toàn bộ diện tích đất 790m² tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ phường C1, thành phố H2 là đất ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 05-10-2018, Ủy ban nhân dân thành phố H2 điều chỉnh diện tích thửa đất số 153 (574), tờ bản đồ số 50 (04), từ diện tích 580m² loại đất thổ cư thành 790m² (trong đó có 200m² loại đất ở tại đô thị và 590m² loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao trong cùng một thửa đất có nhà ở). Ngày 26-02-2019, ông Ngô Quang H có đơn đề nghị công nhận toàn bộ diện tích 790m² là đất ở, đến ngày 30-9-2019, Ủy ban nhân dân thành phố H2 ban hành Công văn số 3171/UBND trả lời không có cơ sở giải quyết đơn yêu cầu của ông Ngô Quang H. Ngày 28-11-2019 ông H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H2 công nhận toàn bộ diện tích đất 790m² tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường C1, thành phố H2 là đất ở.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị về yêu cầu công nhận 790m² đất tại thửa 574 tờ bản đồ số 4, phường C1, thành phố H2 là đất ở.

[2.1] Xác định nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng thửa đất 574 tờ bản đồ số 4 mà ông H khởi kiện có nguồn gốc là do ông Ngô M (cha ông Ngô N1) đã xác lập chủ quyền sử dụng từ năm 1937; ngày 31/4/1937 Sở địa chính Quảng Nam thời kỳ Pháp thuộc đã cấp bản Trích lục địa bộ cho ông Ngô M (cha của ông Ngô N1).

Hồ sơ quản lý đất đai theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa 574 được xác định là thửa đất số 754, tờ bản đồ số 5 xã C1 (cũ) diện tích 938m², loại đất thổ cư do ông

Ngô N1 (là cha của ông Ngô Quang T1) kê khai, đăng ký vào Sổ Mục kê; ký hiệu trên bản đồ là T.

Theo hồ sơ Nghị định 64/CP là thửa đất số 574, tờ bản đồ số 4 xã C1 (cũ), diện tích 580m², loại đất T (thổ cư), do ông Ngô Quang T1 (là cha của ông Ngô Quang H) kê khai, đăng ký. UBND thị xã H2 (cũ) cấp Giấy chứng nhận số E 0261449 ngày 20-4-1995 cho hộ ông Ngô Quang T1 tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 4, diện tích 580m², loại đất thổ cư thời hạn sử dụng lâu dài. Ngày 05-10-2018, UBND thành phố H2 điều chỉnh (chỉnh lý trong Giấy CNQSD đất) tăng diện tích thửa đất 574, tờ bản đồ số 04 tại phường C1 từ 580m² thành diện tích 790m²; nhưng chỉ có 200m² đất ở và 590m² đất trồng cây lâu năm; sau đó tiếp tục chỉnh lý thành 498m² đất ở và 292m² đất trồng cây lâu năm.

[2.2] Xem xét các căn cứ về xác định loại đất:

UBND thị xã H2 (cũ) đã cấp Giấy chứng nhận số E 0261449 ngày 20-4-1995 cho hộ ông Ngô Quang T1 tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 4, loại đất thổ cư thời hạn sử dụng lâu dài. Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai 2013 thì trường hợp này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày 10-12-2009, sự kiện đã được Nhà nước công nhận và quy định rõ trong Luật Đất đai.

Ngày 24-7-2020 UBND phường C1 đã có xác nhận quá trình sử dụng đất của hộ ông Ngô Quang T1 (cha ông Ngô Quang H và Ngô Quang L1) là sử dụng ổn định từ trước năm 1980 cho đến nay (bút lục 75).

Tại Văn bản 1680/UBND ngày 07/6/2019 của UBND thành phố H2 xác nhận “*Qua kiểm tra của ngành và địa phương, gia đình ông Ngô Quang T1 đã sinh sống tại vị trí trên qua nhiều thế hệ....., ngày 31/4/1937 Sở địa chính Quảng Nam thời kỳ pháp thuộc đã cấp bản trích lục địa bộ đối với diện tích 2 sào 11 thước mà ông Ngô M (cha ông Ngô N1, ông cố của ông H) được thừa hưởng và đã xây dựng một cụm nhà thờ phái, nhà ở gia đình, nhà ăn, nhà bếp, sân trước và sân sau; hàng năm, con cháu tộc Ngô vẫn về đây giỗ chạp*”

Như vậy, thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường C1, thành phố H2 đã được ông Ngô M xác lập chủ quyền và xây dựng nhà ở từ năm 1937; được ông Ngô N1 (ông nội ông Ngô Quang H) kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299 và tiếp tục được ông Ngô Quang T1 kê khai theo Nghị định 64/CP; được các thế hệ người nhà con cháu trực hệ ông Ngô M liên tục quản lý, sử dụng để ở; khu đất có nhà ở lâu đời và có tường rào xung quanh khép kín từ trước đến nay ổn định, ranh giới sử dụng không thay đổi, không có tranh chấp; được Ủy ban nhân dân phường xác nhận.

Đối với Sổ mục kê ruộng đất do Ủy ban nhân dân xã C1 lập ngày 20-8-1987 theo đại diện người bị kiện cho rằng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên không xem là căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác thu thập các loại sổ sách địa chính để quản lý đất đai tại địa phương xã (phường) C1 qua các thời kỳ xác định rõ thửa đất 574 đã được ông Ngô N1 và sau này là ông Ngô Quang T1 thực hiện đầy đủ việc kê khai đăng ký theo đúng quy định về quản lý, sử dụng đất đai; UBND phường C1 xác định tại Biên bản xác minh ngày 01-02-2021 là *“trong quá trình quản lý đất đai thời gian từ 30-4-1975 đến ngày 19-10-1993 ngoài Sổ mục kê ruộng đất lập tháng 8-1987 thì không còn Sổ địa chính hay Sổ đăng ký ruộng đất nào khác để quản lý đất đai”*. Đồng thời tại Văn bản 1555/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 25-03-2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định *“Việc Sổ Đăng ký ruộng đất được lập theo Chỉ thị 299/TTg nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là do lỗi của cơ quan Nhà nước mà không phải do lỗi của người sử dụng đất”*.

Về ký hiệu “T” trên bản đồ thì theo Quyết định số 56-ĐKTK ngày 05-11-1981, Quyết định 499/1995/QĐ-ĐC ngày 27-7-1995 và Quyết định 719/1999/QĐ-ĐC ngày 30-12-1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính về việc ban hành ký hiệu Bản đồ địa chính, quy định ký hiệu T là đất ở (gồm đất ở đô thị và đất ở nông thôn). Như vậy thửa đất 754, tờ bản đồ số 5 xã C1 (cũ) diện tích 938m² đã được sử dụng làm đất ở từ năm 1937, đã được đăng ký sử dụng đất và được ghi nhận là đất ở, phù hợp với thực tế sử dụng của hộ gia đình ông Ngô M qua các thế hệ con cháu trực hệ liên tục quản lý sử dụng đất ở từ năm 1937 đến nay không có thay đổi, biến động; phù hợp với quy hoạch khu dân cư.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-4-2014 của Chính Phủ thì trong trường hợp này thửa đất 574 đã hình thành trước ngày 18-12-1980, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích sau khi được điều chỉnh theo đúng hiện trạng sử dụng là 790m², diện tích này nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thành phố H2 (200m²), như vậy diện tích đất ở là diện tích 790m². Do đó, việc không công nhận diện tích 790m² thửa 574 tờ bản đồ số 4 (thửa 754 tờ bản đồ số 5 cũ, hoặc thửa 153 tờ bản đồ số 50 mới) nêu trên là loại đất ở đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Ngô Quang T1.

[3] Người khởi kiện yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động của UBND thành phố H2 từ diện tích 580m² loại đất thổ cư lên diện tích 790m² nhưng chỉ có 200m² đất ở và 590m² loại đất trồng cây lâu năm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0261449 đứng tên hộ ông Ngô Quang T1. Người khởi kiện đã tự nguyện rút

yêu cầu khởi kiện này nên Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết là có căn cứ. Tuy nhiên phần áp dụng pháp luật để quyết định đã căn cứ “*khoản 5 Điều 165 Luật tổ tụng hành chính*” là nhằm lẫn do lỗi đánh máy, cần điều chỉnh lại cho đúng là “*khoản 2 Điều 165*”. Sau khi có Bản án có hiệu lực pháp luật thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ thực hiện việc chỉnh lý biến động theo thủ tục chung.

[4] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam chuyển đến Tòa án ngày 25-9-2020 là đã quá hạn, nhưng thuộc trường hợp trở ngại khách quan; nội dung của kháng nghị và kháng cáo là có căn cứ; trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tài liệu chứng cứ mới thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của ông H về việc yêu cầu công nhận 790m² đất tại thửa 574 (thửa 754 cũ, thửa 153 mới) tại phường C1, thành phố H2 là đất ở.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 7 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định tại Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính. Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

UBND thành phố H2 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 241, Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính; Chấp nhận kháng nghị và kháng cáo, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 09 - 9 - 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 26, Điều 103 Luật Đất đai 2013; Xử:

2.1- Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của ông Ngô Quang H về yêu cầu Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0261449 cấp cho hộ ông Ngô Quang T1 về nội dung chỉnh lý biến động của UBND thành phố H2 tăng diện tích thửa đất số 153 (574), tờ bản đồ số 50 (04), từ diện tích 580m² loại đất thổ cư thành 790m².

2.2- Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Ngô Quang H về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H2, tỉnh Quảng Nam thực hiện việc công nhận diện tích đất 790m² tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 04 (thửa 153 tờ bản đồ số 50 mới) địa chỉ tại phường C1, thành phố H2 là đất ở.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32 và 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Ngô Quang H không phải chịu; UBND thành phố H2 phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm ông H không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKS ND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long